

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-PT

Ngày 07-8-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiển;

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng;
Bà Phạm Thị Thông;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 07-8-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLPT-DS ngày 30-05-2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2019/QĐ-PT, ngày 04-7-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Người đại diện the pháp luật: Ông Phan Đức T– Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 Hàng V, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn C– Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đ– Chi nhánh tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28-10-2016);

Người được ông Lê Văn C ủy quyền lại: Ông Hoàng Văn Tr– Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đ– Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch M (văn bản ủy quyền số 805/QĐ-BIDV.ĐNO ngày 22-6-2018) – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn V– Có mặt;

Bà Nguyễn Thị Xuân H– Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Trường L, anh Lê Thế Th và chị Nguyễn Thị X– Đều vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Chị Lê Thị Hằng Nh– Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:* Ông Đào Công Q– Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 1, phường Ngh, thị xã Gi, tỉnh Đắk Nông.

- *Do có kháng cáo của:* Bị đơn ông Lê Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06-4-2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Văn Tr trình bày:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 635/2012/0004012, ngày 21/12/2012 giữa Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch M (sau đây gọi tắt là Ngân hàng BIDV) và bên vay ông Lê Văn V đã thỏa thuận vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ gốc định kỳ chia làm 03 đợt; đợt 01 ngày 21/12/2013 trả 150.000.000 đồng; đợt 02 ngày 21/12/2014 trả 150.000.000 đồng và đợt 03 ngày 21/12/2015 trả 200.000.000 đồng; Phương thức trả lãi định kỳ 02 tháng/lần kể từ ngày rút tiền.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 635/2014/0001546, ngày 28/3/2014 giữa Ngân hàng BIDV Đ và bên vay ông Lê Văn V số tiền vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất trong hạn 08%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. PHƯƠNG thức trả nợ gốc vào ngày 02/3/2015, phương thức trả lãi định kỳ 01 tháng/lần kể từ ngày rút tiền.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 635/2014/0007371, ngày 31/12/2014 giữa Ngân hàng TMCP BIDV và bên vay ông Lê Văn V số tiền 185.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất 07%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 20/12/2012 ông V và bà H đã ký hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐTC thế chấp tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BL 166529, thửa đất số 403, tờ bản đồ số 10, diện tích 1479m² cùng tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp IV, mái lợp tôn, tường gạch ống, móng đá hộc, diện tích 110m²; GCNQSDĐ số BL 166530, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 10, diện tích 665m² và GCNQSDĐ số BL 166531, thửa đất số 627, tờ bản đồ số 10, diện tích 360m² đều do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 01/10/2012 đứng tên ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Xuân H; đất tọa tại xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M ngày 20/12/2012 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhập kho ngày 21/12/2012).

Tại mục 2 Điều 1 của hợp đồng có ghi “*Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp được mô tả tại Điều 2 hợp đồng này để bảo đảm thực hiện toàn*

bộ nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh đã và sẽ ký giữa Ngân hàng với bên thế chấp trong giới hạn số tiền tối đa bằng giá trị tài sản thế chấp....”. Do đó, đối với hợp đồng vay ngày 28/3/2014 và 31/12/2014, Ngân hàng và bên vay tiến hành xác minh, định giá tài sản và thỏa thuận đồng ý dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng tín dụng.

Về việc giải ngân số tiền vay sau khi ký kết hợp đồng tín dụng: Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng ngày 21/12/2012, ông V đã nhận đủ tiền và xác nhận tại phiếu lĩnh tiền mặt và bảng kê rút vốn cùng ngày; số tiền vay 150.000.000 đồng, ông V nhận đủ tiền và ký xác nhận tại phiếu lĩnh tiền mặt và bảng kê rút vốn ngày 28/3/2014 và số tiền vay 185.000.000 đồng ông V ký xác nhận và nhận tiền tại giấy lĩnh tiền mặt và bảng kê rút vốn ngày 31/12/2014.

Về nghĩa vụ thanh toán: Đối với hợp đồng vay ngày 21/12/2012, ông V và bà H đã thanh toán được cho Ngân hàng 300.000.000 đồng tiền gốc và 124.402.777 đồng tiền lãi; hợp đồng vay ngày 28/3/2014 thanh toán 16.400.000 đồng tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc và hợp đồng vay ngày 31/12/2014 chưa thanh toán nợ gốc và lãi.

Ngày 7/4/2015, đại diện Ngân hàng BIDV Đ và ông V đã có biên bản làm việc, nội dung ông V cam kết trả nợ gốc, lãi quá hạn cho Ngân hàng trước ngày 29/4/2015. Tại biên bản làm việc giữa các bên ngày 20/4/2015, ông V đề nghị trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng trước ngày 01/5/2015 do nguồn thu nhập của gia đình từ cây sưa chưa ổn định. Tại biên bản làm việc ngày 01/5/2015 ông V tiếp tục cam kết sẽ thanh toán nợ trước ngày 22/5/2015 nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng BIDV Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Xuân H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/4/2019), số tiền cụ thể sau: Đối với hợp đồng vay ngày 21/12/2012, là 200.000.000 đồng tiền gốc, 113.388.889 đồng tiền lãi trong hạn và 43.875.000 đồng tiền lãi quá hạn; đối với hợp đồng vay ngày 28/3/2014 là 150.000.000 đồng tiền gốc, 45.200.000 đồng tiền lãi trong hạn và 25.200.000 đồng tiền lãi quá hạn; đối với hợp đồng vay ngày 31/12/2014 là 185.000.000 đồng tiền gốc, 64.354.306 đồng tiền lãi trong hạn và 26.169.792 đồng tiền lãi quá hạn cùng tiền lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ. Trường hợp ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Xuân H không thanh toán được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm việc thanh toán nợ.

- Bị đơn ông Lê Văn V trình bày: Ngày 21/12/2012, ông có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Đ- Chi nhánh Đắk Nông, Phòng giao dịch M để vay số tiền 350.000.000 đồng, mục đích vay để mua rẫy đầu tư. Ông V là người

trực tiếp liên hệ với cán bộ Ngân hàng để được hướng dẫn các thủ tục và ký kết hợp đồng vay vốn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông V và vợ (bà Nguyễn Thị Xuân H) ký hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐTC với Ngân hàng thế chấp tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BL 166529, thửa đất số 403, tờ bản đồ số 10, diện tích 1479m² cùng tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp IV, mái lợp tôn, tường gạch ống, móng đá hộc, diện tích 110m²; GCNQSDĐ số BL 166530, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 10, diện tích 665m² và GCNQSDĐ số BL 166531, thửa đất số 627, tờ bản đồ số 10, diện tích 360m² đều do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 01/10/2012 đứng tên ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Xuân H

Ngày 28/3/2014, ông có ký kết với Ngân hàng BIDV Đ để vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất trong hạn 08%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ gốc vào ngày 02/3/2015; Phương thức trả lãi định kỳ 01 tháng/lần kể từ ngày rút tiền. Ngày 31/12/2014, ông tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 185.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất 07%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Về việc giải ngân: Đối với hợp đồng vay ngày 21/12/2012, ông được Ngân hàng BIDV giải ngân số tiền 290.000.000 đồng trong 4 lần, cụ thể: ngày 21/12/2012 nhận 80.000.000 đồng, không có chứng từ giao dịch; ngày 08/01/2013 nhận 50.000.000 đồng; ngày 28/01/2013 nhận 100.000.000 đồng; ngày 04/3/2013 nhận 60.000.000 đồng, các chứng từ ông đã nộp cho Tòa án. Do chưa được nhận đủ số tiền vay 350.000.000 đồng, ông nhiều lần gặp cán bộ Ngân hàng nhưng không được giải quyết. Sau đó, ông mới biết hợp đồng ký kết với Ngân hàng là số tiền 500.000.000 đồng, không phải 350.000.000 đồng như đã thỏa thuận miệng ban đầu. Đối với số tiền 150.000.000 đồng và 185.000.000 đồng cán bộ Ngân hàng nói ký để đáo hạn chứ ông không được nhận tiền.

Về nghĩa vụ thanh toán: Sau khi vay ông V, bà H mới thanh toán cho Ngân hàng BIDV Đ 58.238.195 đồng tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Đối với các khoản tiền Ngân hàng nộp thay, ông bà không biết nên không đồng ý. Ông V xác nhận, ông là người ký trong hợp đồng tín dụng, giấy lĩnh tiền mặt và bảng kê rút vốn số tiền 500.000.000 đồng, 150.000.000 đồng và 185.000.000 đồng nhưng thực tế ông không được nhận số tiền như vậy. Vì vậy, ông V và bà H chỉ đồng ý trả 290.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ này; đối với các khoản nợ khác ông không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trường hợp ông bà không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng thì ông bà sẽ tự đứng ra bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng BIDV.

- Bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày: Lời khai ông Lê Văn V là đúng, bà không ký hợp đồng tín dụng nhưng đã có văn bản ủy quyền cho ông V đại diện bà thực hiện các thủ tục vay vốn tại ngân hàng BIDV.

Bà H cho rằng, mặc dù biết Ngân hàng BIDV làm sai, ông bà vay 350.000.000 đồng nhưng hợp đồng lại ký 500.000.000 đồng và Ngân hàng chỉ giải ngân 290.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chưa có tiền để thanh toán nên ông bà chưa có ý kiến với Ngân hàng mà đợi khi nào có tiền trả mới làm đơn đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Bà chỉ thừa nhận đồng ý vay 350.000.000 đồng và được giải ngân 290.000.000 đồng nên chỉ đồng ý thanh toán cho Ngân hàng BIDV Đ số tiền gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi suất theo hợp đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Trường L trình bày: Anh là con của ông V và bà H; anh sống cùng bố mẹ và có đóng góp công sức trồng tài sản trên đất là cây sưa, đóng góp công sức phụ xây dựng căn nhà hiện đang thế chấp cho Ngân hàng BIDV. Khi bố mẹ anh thế chấp tài sản không thông báo cho anh biết. Hiện nay, ngân hàng có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp anh không đồng ý với việc xử lý tài sản thế chấp, vì bố mẹ anh chỉ đồng ý vay 350.000.000đ và giải ngân một lần, chứ không phải 500.000.000đ và giải ngân nhiều lần được 290.000.000đ. Anh không có yêu cầu độc lập đối với các tài sản có công sức đóng góp của anh hiện đang thế chấp tại Ngân hàng BIDV.

Chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị là con dâu của ông V và bà H, chị cùng chồng là anh Lê Thế S chung với ông V và bà H. Năm 2011 khi ông V và bà H xây dựng căn nhà trên đất, anh chị có đóng góp tiền và công sức lao động để tạo lập nên tài sản, đưa tiền để mua giống trồng cây sưa trên đất. Khi ông V và bà H thế chấp tài sản để vay vốn có nói với vợ chồng chị là chỉ vay 350.000.000đ. Do Ngân hàng BIDV Đ đã làm sai hợp đồng nên anh chị không đồng ý xử lý tài sản thế chấp. Anh chị cũng không có yêu cầu độc lập đối với tài sản có công sức đóng góp hiện đang thế chấp tại Ngân hàng BIDV.

Chị Lê Thị Hằng Nhi: đã được Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ, nhưng không tham gia tố tụng.

- Người làm chứng ông Đào Công Q trình bày: Thời điểm tháng 12/2012 ông Q là giám đốc phòng Giao dịch BIDV huyện M, ông đại diện Ngân hàng BIDV Đ ký kết hợp đồng tín dụng với khách hàng Lê Văn V, với số tiền vay 500.000.000đ. Về cơ sở pháp lý của hợp đồng vay, việc giải ngân tiền vay đều đảm bảo đúng theo quy định của Ngân hàng cũng như tuân thủ các quy định pháp luật. Ông xác định lời khai của ông V là không có cơ sở, sai sự thật.

Tại Bản án sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (Chi nhánh tỉnh Đắk Nông, phòng giao dịch M) về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Xuân H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (Chi nhánh tỉnh Đắk Nông, phòng giao dịch M) số tiền 853.187.987 đồng, trong đó có 535.000.000 đồng tiền gốc, 222.943.195 đồng tiền lãi trong hạn và 95.244.792 đồng tiền lãi quá hạn, tạm tính đến hết ngày 19/4/2019 trong đó gồm:

- 200.000.000 đồng tiền gốc, 113.388.889 đồng tiền lãi trong hạn, 43.875.000 đồng tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 19/4/2019 theo hợp đồng tín dụng số 635/2012/0004012 ngày 21/12/2012.

- 150.000.000 đồng tiền gốc, 45.200.000 đồng tiền lãi trong hạn, 25.200.000 đồng tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 19/4/2019 theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 635/2014/0001546 ngày 28/3/2014

- 185.000.000 đồng tiền gốc, 64.354.306 đồng tiền lãi trong hạn, 26.169.792 đồng tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 19/4/2019 theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 635/2014/0007371 ngày 31/12/2014.

2. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn Phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay Phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho Phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Xuân H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐTC ngày 20/12/2012 đối với tài sản là: Giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 403, tờ bản đồ số 10, diện tích 1479m², đất tại xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, giấy chứng nhận số BL 166529 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 01/10/2012 đứng tên ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Xuân H. Về tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp IV, mái lợp tôn, tường gạch ống, móng đá hộc, diện tích 110m²;

Giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 402, tờ bản đồ số 10, diện tích 665m², đất tại xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, giấy chứng nhận số BL 166530 do

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 01/10/2012 đứng tên ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Xuân H;

Giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 627, tờ bản đồ số 10, diện tích 360m², đất tại xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, giấy chứng nhận số BL 166531 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 01/10/2012 đứng tên ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Xuân H để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02-5-2019 bị đơn ông Lê Văn V làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm ông chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng BIDV Đ 290.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng; không đồng ý trả số tiền còn lại vì ông không được nhận tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Sau khi ký kết 03 hợp đồng tín dụng nêu trên, phía Ngân hàng BIDV Đ đã giải ngân bằng tiền mặt cho ông V được thể hiện bằng các giấy lĩnh tiền mặt và bảng kê rút vốn có chữ ký của ông V. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông V phải trả cho Ngân hàng BIDV Đ số tiền còn nợ gốc và các khoản tiền lãi như yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn V, hủy Bản án sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Lê Văn V làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn V thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng BIDV Đ trình bày sau khi ký kết hợp đồng tín dụng số 635/2012/0004012, ngày 21-12-2012 thì Ngân hàng BIDV Đ- Chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch M đã chi tiền mặt thể hiện bằng giấy lĩnh tiền mặt ngày 21-12-2012, với số tiền 500.000.000 đồng, ông V đã ký nhận đầy đủ.

Còn ông V cho rằng, ông thừa nhận có ký vào hợp đồng tín dụng ngày 21-12-2012 và giấy lĩnh tiền mặt nêu trên nhưng khi vay ông chỉ yêu cầu vay 350.000.000 đồng chứ không phải 500.000.000 đồng; đồng thời trong ngày đó Ngân hàng BIDV- Phòng giao dịch M chỉ giao cho ông 80.000.000 đồng không có giấy tờ và đưa cho ông ký rất nhiều giấy tờ. Đối với tờ giấy lĩnh tiền mặt mà phía Ngân hàng BIDV Đ đưa cho ông thì không có chữ ký của ông, cũng như chữ ký của cán bộ kiểm soát; tiếp theo ngày 08-01-2013 giải ngân 50.000.000 đồng; ngày 28-01-2013 giải ngân 100.000.000 đồng và ngày 04-3-2013 giải ngân 60.000.000 đồng; tổng cộng ông mới chỉ nhận được 290.000.000 đồng/500.000.000 đồng như hợp đồng đã ký kết. Còn 02 hợp đồng sau ký ngày 28-3-2014, vay số tiền 150.000.000 đồng và ngày 31-12-2014 vay số tiền 185.000.000 đồng là để đảm bảo trả khoản vay ở hợp đồng ngày 21-12-2012. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông V và Ngân hàng BIDV Đ- Chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch M có ký 03 hợp đồng tín dụng vào các ngày 21-12-2012 vay số tiền 500.000.000 đồng; ngày 28-3-2014 vay số tiền 150.000.000 đồng và ngày 31-12-2014 vay số tiền 185.000.000 đồng. Việc ông V trình bày chỉ vay 350.000.000 đồng chứ không vay 500.000.000 đồng như trong hợp đồng tín dụng số 635/2012/0004012, ngày 21-12-2012 mặc dù ông thừa nhận chữ ký trong các hợp đồng, giấy tờ liên quan là của ông, nên lời trình bày chỉ vay 350.000.000 đồng là không có cơ sở. Tuy nhiên, quá trình giải quyết xét xử cấp sơ thẩm chưa điều tra thu thập chứng cứ làm rõ một số nội dung sau:

[2.1]. Phía nguyên đơn cho rằng, khi xuất tiền giải ngân cho người vay có bảng kê chi tiền mặt nhưng theo quy định bảng kê này chỉ lưu giữ trong thời hạn 05 năm nên đã hủy, nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp văn bản của cấp có thẩm quyền quy định về vấn đề này cũng như chưa làm rõ hồ sơ tín dụng này chưa thực hiện xong thì tại sao bảng kê chi tiền mặt lại bị hủy mà không được lưu giữ trong hồ sơ.

[2.2]. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn và bị đơn đã cung cấp giấy lĩnh tiền mặt ngày 21-12-2012 với số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, 02 giấy lĩnh tiền mặt lại có sự khác biệt nhau; giấy lĩnh tiền mặt do Ngân hàng BIDV Đ cung cấp (BL 155) có đầy đủ chữ ký của ông V, giao dịch viên, kiểm soát; còn giấy lĩnh tiền mặt do ông V cung cấp thì không có chữ ký ông V, kiểm soát mà chỉ có chữ ký của giao dịch viên. Đồng thời đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, đối với giấy lĩnh tiền gồm 02 liên và được in các thông tin cùng một lúc, sau đó các bên ký và Ngân hàng BIDV Đ giao cho khách hàng 01 liên, bên Ngân hàng giữ 01 liên nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ sự khác biệt này.

[2.3]. Ngân hàng BIDV Đ Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch M cho rằng đã chi đủ cho ông V 500.000.000 đồng tiền mặt sau khi ký hợp đồng tín dụng ngày 21-12-2012, nhưng phía ông V lại cho rằng chỉ nhận

290.000.000 đồng tiền mặt làm 04 đợt và cung cấp 03 giấy lĩnh tiền mặt. Cấp sơ thẩm chưa điều tra thu thập các giấy lĩnh tiền này ở phía Ngân hàng để làm rõ các khoản tiền ông V đã nhận theo 03 giấy trên là tiền gì.

[2.4]. Theo tài liệu Ngân hàng BIDV Đ cung cấp trong hồ sơ thể hiện, ngày 21-12-2012 ông V có mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng nhưng chưa điều tra thu thập tài liệu thể hiện lịch sử giao dịch số tiền trong tài khoản này có liên quan gì tới số tiền ông V đã nhận ở 03 giấy lĩnh tiền mặt ông V cung cấp hay không?

[2.5]. Về tố tụng: Ông Đào Công Q- Giám đốc Phòng giao dịch BIDV M và là người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng ngày 21-12-2012 với ông V, nay đã chuyển công tác. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Q là người làm chứng là không đúng, mà cần phải đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.6]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy những sai sót của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục tại phiên tòa được, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên ông Lê Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông V 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn V.

2. Hủy bản án sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Lê Văn V 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên số 0003505 ngày 03-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Xuân Chiến